

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁT TIỀN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁT TIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAT TIEN DEVELOPMENT INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108049917

3. Ngày thành lập: 07/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, tòa nhà Sannam, số 78 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
2.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
4.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
5.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
6.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
7.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
8.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
9.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
10.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
11.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
12.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
13.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
14.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
15.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
16.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
17.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
18.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
19.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
20.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395

21.	Sản xuất nhạc cụ	3220
22.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
23.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
24.	Bán buôn thực phẩm	4632
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
27.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
28.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
29.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
30.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
31.	Điều hành tua du lịch	7912
32.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
33.	Bán buôn đồ uống	4633
34.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.	4649(Chính)
35.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
37.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
38.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
40.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
41.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
42.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
43.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
44.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
45.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
46.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
47.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
48.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
49.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
50.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529

51.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
52.	Sản xuất máy luyện kim	2823
53.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
54.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
55.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
56.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
57.	Bán buôn gạo	4631
58.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
59.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
60.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
61.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
62.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
63.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
65.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
66.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
67.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
68.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
69.	Quảng cáo	7310
70.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
71.	Cho thuê xe có động cơ	7710
72.	Đại lý du lịch	7911
73.	Dịch vụ đóng gói	8292
74.	Giáo dục tiểu học	8520
75.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
76.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
77.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
78.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
79.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
80.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
81.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
82.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
83.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
84.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074

85.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
86.	Sản xuất sợi	1311
87.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
88.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
89.	Sản xuất giày dép	1520
90.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
91.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
92.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
93.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
94.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
95.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
96.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
97.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
98.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
99.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
100.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
101.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
102.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
103.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
104.	In ấn	1811
105.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
106.	Sao chép bản ghi các loại	1820
107.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
108.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
109.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
110.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
111.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
112.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
113.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
114.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
115.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
116.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
117.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
118.	Tái chế phế liệu	3830
119.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
120.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
121.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

122.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
123.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
124.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
125.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
126.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
127.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
128.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, sung, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
129.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
130.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
131.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
132.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
133.	Bốc xếp hàng hóa	5224
134.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
135.	Lập trình máy vi tính	6201
136.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
137.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
138.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
139.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
140.	Sản xuất đường	1072
141.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
142.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
143.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
144.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
145.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
146.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
147.	Sản xuất đồng hồ	2652
148.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
149.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
150.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
151.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
152.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
153.	Bán mô tô, xe máy	4541

154.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
155.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
156.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
157.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
158.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
159.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
160.	Đúc sắt, thép	2431
161.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
162.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
163.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
164.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
165.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
166.	Giáo dục mầm non	8510
167.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
168.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
169.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
170.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
171.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
172.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
173.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
174.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
175.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
176.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
177.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
178.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
179.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
180.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
181.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
182.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

183.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: + Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; + Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; + Bán buôn cao su; + Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; + Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4669
184.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
185.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
186.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
187.	Xuất bản phần mềm	5820
188.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
189.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
190.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
191.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
192.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: MAI CÁT TIÊN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/12/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038188000232

Ngày cấp: 04/07/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14, ngõ 32B Sơn Tây, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 14, ngõ 32B Sơn Tây, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: MAI CÁT TIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/12/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038188000232

Ngày cấp: 04/07/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14, ngõ 32B Sơn Tây, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 14, ngõ 32B Sơn Tây, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội